

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 05-02-2021
V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kỳ Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Đức Cường.
2. Ông Lê Anh Nhất.

Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Phương Liên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 05/02/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 239/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST-DS ngày 06/01/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21/01/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn TK, xã CL, huyện NC, Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn TC, xã CC, NC, Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt anh H, vắng mặt chị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/11/2020 và quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị Lê Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, tổ chức cưới theo nghi lễ truyền thống và có đăng ký kết hôn ngày 17/01/2018 tại Ủy ban nhân dân xã CC, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường. Tháng 01/2019 mâu thuẫn phát sinh. Nguyên nhân do tính tình không hợp, trong cuộc sống vợ chồng

không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau. Sau khi mâu thuẫn mỗi người một nơi từ đó dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm. Anh và chị T sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn chị Lê Thị T.

Về con chung: Anh và chị T có con 1 con chung là Lê Hoài A, sinh ngày 07/10/2019. Hiện cháu đang sống cùng chị T. Do con chung còn nhỏ nên anh H có nguyện vọng giao con cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ.

Về tài sản và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai đề ngày 04/01/2021, bị đơn chị Lê Thị T trình bày:*

Về hôn nhân: Chị không đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Văn H, nếu anh H cương quyết xin ly hôn chị sẽ có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án sau.

Ngày 07/01/2021 Tòa án nhân dân huyện Nông Cống triệu tập chị T đúng 7 giờ 30 phút có mặt tại Tòa án nhân dân huyện Nông Cống để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị T vắng mặt không có lý do.

Tòa án nhân dân huyện Nông Cống tiến hành xác minh:

- *Tại gia đình chị T, bà Lê Thị P (mẹ đẻ chị T) trình bày:*

Về hôn nhân: Chị T và anh H xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý, tổ chức cưới có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn anh H, chị T đi làm ở Công ty SamSung Bắc Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị T đã về ở với gia đình bà. Hiện nay chị T vẫn làm ở Công ty SamSung Bắc Ninh, thứ 7, chủ nhật chị lại về với con. Nguyện vọng của chị T cũng muốn ly hôn anh H.

Về con chung: Anh H và chị T có 1 con chung tên là Lê Hoài A hiện đang ở với chị T cùng gia đình bà. Chị T có nguyện vọng xin nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng anh H, chị T mới cưới được hơn một năm nên cũng không có tài sản. Khi cưới gia đình bà có trao vàng cho vợ chồng, chị T đã gửi toàn bộ số vàng cưới cho mẹ chồng. Khi vợ chồng ly thân gia đình anh H đã trả lại cho chị T.

- *Tại gia đình bà Lê Thị X (mẹ đẻ anh H) trình bày:*

Về hôn nhân: Anh H và chị T xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, tổ chức cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Công Chính. Sau khi cưới anh H, chị T ở chung với gia đình bà thời gian ngắn, sau đó vợ chồng đi làm Công ty ở Bắc Ninh. Quá trình đi làm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Anh H, chị T chỉ nói với bà là vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Gia đình hai bên có giàn xếp nhưng không được. Chị T về ngoại ở từ tháng 12/2018 cho đến nay. Quan điểm của anh H xin được ly hôn chị T.

Về con chung: Anh H và chị T có 1 con chung hiện đang ở với chị T. Vì con đang còn nhỏ nên đề nghị Tòa án giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh H, chị T không có tài sản chung.

- *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:*

* Về tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; bị đơn là chị Lê Thị T thực hiện không đầy đủ các quy định của pháp luật đối với quyền và nghĩa vụ của mình, chị T chỉ đến Tòa án làm việc 1 lần và vắng mặt trong tất cả các buổi hòa giải, không có mặt theo nội dung thông báo hòa giải.

Tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt bị đơn Lê Thị T nhưng chị T đã được triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 để xét xử vắng mặt chị T là đúng quy định của pháp luật.

* Về nội dung:

Chị T và anh H kết hôn với nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã CC, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời gian sống chung, do phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2019 đến nay không quan tâm gì đến nhau. Tòa án tiến hành hòa giải để hai bên đương sự về đoàn tụ nhưng chị T không có mặt, vì vậy xác định mâu thuẫn đã trầm trọng. Chị T không còn thiết tha níu kéo tình cảm vợ chồng nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho anh H được ly hôn chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung tên là Lê Hoài A, sinh ngày 07/10/2019. Hiện cháu đang sống cùng chị T. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, anh H có nguyện vọng giao con cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Do con chung đang còn nhỏ, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho

chị T trực tiếp chăm sóc và anh H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét mà dành quyền cho các bên đương sự khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí về cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn H khởi kiện xin được ly hôn chị Lê Thị T có hộ khẩu thường trú tại xã CC, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị T đến Tòa án để làm việc nhưng chị T chỉ đến một lần, Tòa án đã hướng dẫn cho chị T tự khai nhưng chị T khai không đầy đủ, còn lại chị T đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành phiên hòa giải được. Vì vậy, vụ án giữa anh H, chị T thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố Tụng dân sự.

Ngày 21/01/2021, Tòa án nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa đã mở phiên tòa xét xử tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa anh H và chị T nhưng chị T vắng mặt, vì vậy phải hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt bị đơn Lê Thị T nhưng chị T đã được triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt chị T là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

- Quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và chị Lê Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện; có đăng ký kết hôn tại UBND xã CC, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa; vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Đánh giá về mâu thuẫn và thực trạng quan hệ hôn nhân: Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra hai bên không tìm cách giải quyết mà mỗi người một nơi dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm. Đối với chị T đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng chị chỉ đến Tòa án 1 lần tự

khai nhưng không đầy đủ. Sau đó chị không đến để Tòa án tổ chức hòa giải đoàn tụ thể hiện chị cũng không quan tâm, tha thiết níu kéo tình cảm. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh H và chị T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh H xin được ly hôn, về phía chị T xin đoàn tụ nhưng lại không đến Tòa án để làm việc. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Anh H và chị T có con 1 con chung là Lê Hoài A, sinh ngày 07/10/2019 hiện đang ở với chị T. Ly hôn anh H có nguyện vọng giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ. Về phía chị T không trình bày về con chung nhưng thông qua ý kiến của bà Lê Thị P (mẹ đẻ chị T) chị có nguyện vọng xin được nuôi con. Xét thấy việc giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo hơn trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và buộc anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về phía chị T không trình bày, nhưng thông qua ý kiến của bà Phổ thì chị T và anh H cũng không có tài sản, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét, dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí: Anh H khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 84; Điều 110; Điều 116; Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Lê Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Hoài A, sinh ngày 07/10/2019 cho chị Lê Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Lê Thị T mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng). Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 02/2021 cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Anh H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2019/0002267 ngày 18/11/2020, anh H còn phải nộp 300.000đ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt anh H, vắng mặt chị T. Anh H có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị T vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã Công Chính, Nông Cống;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Kỳ Anh